

# Nghiên cứu chính sách hỗ trợ ảnh hưởng đến sự phát triển cụm liên kết công nghiệp: Bài học thực tiễn đối với Việt Nam

Nguyễn Kế Nghĩa\*, Phan Đăng Tuất\*\*

Ngày nhận 21/6/2014

Ngày nhận bản sửa: 20/7/2014

Ngày duyệt đăng: 25/7/2014

## Tóm tắt

*Việc xây dựng và phát triển một mạng lưới cụm liên kết công nghiệp (industrial cluster) hữu hiệu là rất cần thiết và phù hợp xu thế phát triển chung trên thế giới. Việc tạo dựng cụm liên kết công nghiệp là một công cụ chính sách giúp tăng năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp, nâng cao trình độ công nghệ trong nước, phát triển và chuyển đổi cơ cấu kinh tế là một vấn đề cấp thiết đang được đặt ra hiện nay. Bài viết này sẽ trình bày các đặc trưng cơ bản của các chính sách công đối với phát triển cụm liên kết công nghiệp. Bài viết phân tích đánh giá thực tiễn áp dụng chính sách phát triển cụm liên kết ngành ở các nước Liên minh châu Âu và các nước Đông Á, đưa ra những vấn đề bài học thực tiễn đối với Việt Nam trong phát triển cụm liên kết công nghiệp.*

**Từ khóa:** Chính sách hỗ trợ, cụm liên kết công nghiệp, liên kết

## 1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, Chính phủ các nước phát triển vẫn đang trong quá trình tìm kiếm các cách thức sử dụng Cụm liên kết công nghiệp như một công cụ hoạch định chính sách. Có ít nhất hai nguyên nhân:

Một là, các chính phủ thường cân nhắc cách can thiệp vào nền kinh tế sao cho đạt được mức cao về cạnh tranh quốc tế và tăng trưởng bền vững. Trong nỗ lực này, các Chính phủ đã xây dựng các công cụ chính sách can thiệp dựa trên hai quan điểm cạnh tranh của thị trường (Petrin, 2011, tr12), nghĩa là sự can thiệp này cần được thiết kế theo hướng giảm thiểu những méo mó trong các tín hiệu của thị trường và can thiệp với tính cách là chính sách ngành chủ động, hướng tới kích thích các thay đổi thể chế nhằm giúp tạo ra một môi trường kinh doanh mà trong đó các doanh nghiệp có thể duy trì và nâng cao cạnh tranh và phản ứng nhanh nhạy một khi các cơ hội mới xuất hiện.

Hai là, tranh luận về tầm quan trọng to lớn của tri thức như một nguồn lực của lợi thế cạnh tranh, và do vậy, tăng trưởng kinh tế - được thúc đẩy bởi lý thuyết tăng trưởng kinh tế nội sinh, đã được tạo điều kiện thuận lợi cho can thiệp chính sách, đặc biệt là những mô hình tăng trưởng dựa trên trọng tâm là đầu tư vào nguồn nhân lực, nghiên cứu và đổi mới (R&D). Một khi các động lực chính của tăng trưởng kinh tế là các tiến bộ về công nghệ nhờ những đổi mới dựa trên sáng tạo mới - đều phụ thuộc vào các quyết định của doanh nghiệp, mục tiêu ưu tiên của can thiệp chính sách không chỉ kích thích đầu tư vào tri thức hay sản sinh các tri thức kinh doanh có liên quan mà còn khuyến khích phát triển các hệ thống giúp thúc đẩy việc tiếp thu và truyền bá tri thức trong nền kinh tế.

Để kích thích và phát triển các nhân tố này, các chính phủ xây dựng các chương trình nhằm hỗ trợ những nỗ lực của doanh nghiệp trong phát triển, tìm kiếm và tiếp thu không chỉ các kiến thức về công

nghệ mà còn cả tri thức tổ chức, kinh doanh cần thiết cho việc chuyển biến tri thức công nghệ vào các sản phẩm và dịch vụ thương mại được. Trong số các công cụ chính sách, các Cụm liên kết công nghiệp được nhìn nhận như các cơ cấu tổ chức có khả năng giúp tích tụ và thực hiện triển khai nhanh hơn. Điều này giải thích tại sao các chính phủ các nước phát triển và đang phát triển và chuyển đổi đã nhiều năm coi Cụm liên kết công nghiệp như một công cụ chính sách quan trọng giúp thúc đẩy đổi mới, nâng cao năng lực cạnh tranh và tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế.

Bài viết này sẽ trình bày các đặc trưng cơ bản của các chính sách hỗ trợ của Chính phủ đối với cụm liên kết công nghiệp, nêu nên kinh nghiệm các chính sách của một số nước Châu Âu và Đông Á áp dụng điểm hình để từ đó rút ra những bài học thực tiễn đối với Việt Nam.

## **2. Các đặc trưng chung của chính sách hỗ trợ của Chính phủ với các Cụm liên kết công nghiệp**

Phần lớn các cụm liên kết công nghiệp đã hình thành và phát triển một cách tự nhiên. Tuy vậy, có khá nhiều và ngày càng tăng số trường hợp về sáng kiến phát triển cụm liên kết công nghiệp, nghĩa là những nỗ lực có tổ chức được thực hiện bởi các chủ thể trong cụm liên kết công nghiệp (từ dưới lên) nhằm thúc đẩy tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của cụm liên kết công nghiệp, được tổ chức bởi một nhà quản lý cụm liên kết công nghiệp hoặc tổ chức phi lợi nhuận nó thường tập trung vào các lĩnh vực có tính truyền thống phát triển từ các làng nghề, nay quy hoạch sản xuất liên kết tập trung nhằm duy trì và phát triển bền vững lâu dài. Các sáng kiến cụm liên kết công nghiệp cũng là sản phẩm của sáng kiến chính phủ (từ trên xuống), chủ yếu được tài trợ thông qua một chương trình quốc gia hay vùng về phát triển cụm liên kết công nghiệp.

Lê Minh Ngọc và Lê Huyền Trang (2011) tin rằng các can thiệp của Chính phủ, chủ yếu là tài chính nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh có nhiều hình thức khác nhau, tùy thuộc vào các mục tiêu chính sách. Chúng có thể hướng tới thành lập, huy động hoặc tăng cường, củng cố một cụm liên kết công nghiệp nào đó nhằm nâng cao hiệu quả của một công cụ chuyên biệt (bao cấp cho R&D là cần thiết khi điều này giúp tạo ra các tác động tràn ra ngoài biên công ty tiếp nhận) tác động tràn ngoài biên tạo cơ hội cho các doanh nghiệp trong nước tiếp cận công nghệ tiên tiến hơn, dễ dàng chuyển giao công nghệ hơn, thúc đẩy quá trình phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng quản lý và trình độ lao

động, nó thúc đẩy tăng khả năng xuất hiện, hình thành cụm liên kết công nghiệp.

Theo dự thảo Dự thảo Quy hoạch phát triển CNHT Việt Nam, Bộ công thương (2012) cho biết sự hỗ trợ của Chính phủ đối với các cụm liên kết công nghiệp được thực hiện thông qua các chương trình cụm liên kết công nghiệp hướng tới cấp độ vùng/hoặc quốc gia. Việc thực hiện thiết kế khung chương trình này Chính phủ đứng vai trò quyết định, Chính phủ hoạch định các chính sách kinh tế phù hợp với sự vận động của các quy luật trong nền kinh tế đồng thời phải đảm bảo được các mục tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra giữa các vùng và tránh sự chồng chéo trong phát triển các địa phương. Hầu hết các chương trình thuộc cấp độ quốc gia không có trọng tâm chuyên biệt đối với một vòng đời của cụm liên kết công nghiệp nhất định, nó chỉ đề ra các định hướng để phát triển, tuy nhiên điểm đích hướng tới là gì thì chỉ được đặt ra một cách chung chung, không rõ ràng. Các chương trình cụm liên kết công nghiệp phần lớn được sử dụng như một công cụ chính sách ngành và doanh nghiệp hoặc khoa học và công nghệ, song cũng có thể thấy như một công cụ chính sách liên kết doanh nghiệp, chính sách thu hút đầu tư, chính sách khoa học và giáo dục và chính sách cạnh tranh, hội nhập thị trường.

Các chương trình chủ yếu hướng tới các cụm liên kết công nghiệp trong biên giới quốc gia; hỗ trợ hợp tác xuyên biên giới thì chỉ hạn chế. Thông thường, mục tiêu của các chương trình cụm liên kết công nghiệp là nhằm khởi động tổ chức cụm liên kết công nghiệp, bộ máy quản lý hoặc thúc đẩy hình thành các tổ chức chuyên biệt ở cấp độ cụm liên kết công nghiệp như một tổ chức độc lập. Các nhà quản lý cụm liên kết công nghiệp hoặc bản thân cụm liên kết công nghiệp hy vọng thúc đẩy mối tương tác giữa các doanh nghiệp bên trong cụm liên kết công nghiệp và giúp cụm liên kết công nghiệp phát triển tầm nhìn và chiến lược phát triển chung.

Đặc điểm chung nhận thấy từ quá trình hoạch định phát triển chung các cụm liên kết công nghiệp bao gồm: hầu hết các chương trình phát triển cụm liên kết công nghiệp là mang tầm quốc gia và hiếm khi có các hoạt động xuyên biên giới, phần lớn các chương trình dựa trên quá trình chọn lựa mang tính cạnh tranh, sự hỗ trợ chủ yếu là tài chính, phần lớn các chương trình cụm liên kết công nghiệp được thiết kế để thúc đẩy đổi mới trong khu vực tư nhân và các tổ chức R&D. Mục tiêu của hầu hết các chương trình phát triển cụm liên kết công nghiệp nhằm nâng cao năng suất ở cấp độ quốc gia.

### 3. Kinh nghiệm chính sách hỗ trợ phát triển cụm liên kết công nghiệp trên thế giới

#### 3.1. Chính sách hỗ trợ chung và vai trò của nhà nước

Kinh nghiệm thành công của nhiều nước trên thế giới cho thấy các nguyên tắc chính dưới đây cần được tuân thủ. Trước hết, sự can thiệp chính sách công chỉ có thể được biện minh nếu có các thất bại/khuyết tật của thị trường (vấn đề điều phối và thị trường không thể tạo ra hay duy trì các mối liên kết lẫn nhau; vấn đề thông tin bất đối xứng; quá trình sản sinh và phổ biến tri thức dưới mức tối ưu) hay các thất bại/khuyết tật mang tính hệ thống (tính không đồng bộ, thiếu ăn khớp giữa các tổ chức liên kết hay luật chơi; thiếu khuyết cách tiếp cận toàn diện hay chiến lược nhất quán). Hơn thế nữa, một chính sách cụm ngành không nhất thiết chỉ ủng hộ một chính sách mới hay qui định mới chỉ dành riêng cho việc “phát triển cụm ngành”; thông thường, chính sách có xu hướng lồng ghép chính sách “phát triển cụm ngành” vào các khung chính sách hiện hữu (ví dụ chính sách phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, chính sách phát triển ngành...).

Hai là, khi thiết kế chính sách phát triển cụm liên kết công nghiệp:

i) Cần tránh định hướng mạnh vào việc bao cấp trực tiếp các ngành và doanh nghiệp hay hạn chế cạnh tranh trên thị trường;

ii) Chuyển dịch từ can thiệp trực tiếp đến khuyến khích gián tiếp;

iii) Không nên cố gắng để có lãnh đạo hay sở hữu trong các sáng kiến cụm ngành, song về cơ bản chỉ để chính phủ đóng vai trò xúc tác và các môi giới trung gian có vai trò gắn kết các thành viên lại với nhau và cung cấp các hỗ trợ và các khuyến khích tạo điều kiện cho quá trình đổi mới và phát triển cụm ngành;

iv) Cần thực tế hơn với các mục tiêu, việc huy động nguồn vốn tài trợ và thời hạn phù hợp với mục tiêu đặt ra của chương trình;

v) Đảm bảo chương trình phù hợp với từng điều kiện cụm ngành và vùng cụ thể và linh hoạt với các công cụ sử dụng sao cho phù hợp với từng điều kiện.

Ba là, tính đến những rủi ro trong quá trình hoạch định chính sách để khi thiết kế các sáng kiến cụm có thể tránh hoặc giảm nhẹ như:

i) Lựa chọn trực tiếp các ngành, cụm liên kết công nghiệp “chiến thắng” và bị sa vào hiệu ứng “khóa chặt”/đóng khung vào các cụm ngành và

công nghệ hiện hữu, điều này cản trở các cụm ngành hay công nghệ mới phát triển cũng như có khả năng kìm hãm cạnh tranh;

ii) Thiếu sự tham gia của khu vực tư nhân;

iii) Chuyên môn hóa quá mức vào một số ngành nhất định hay quá phụ thuộc quá mức vào một vài doanh nghiệp, điều làm gia tăng khả năng bị tổn thương trước những biến động kinh tế;

iv) Dựng rào cản đối với sự hợp tác liên ngành vốn ngày càng quan trọng đối với quá trình đổi mới;

v) Quá phân mảnh sự hỗ trợ cụm ngành do những ranh giới hành chính.

#### 3.2. Kinh nghiệm các nước Châu Âu và Đông Á

##### 3.2.1. Kinh nghiệm các nước Châu Âu

Tại một nước Châu Âu như Ý, Đan Mạch, Đức các chương trình cụm liên kết công nghiệp còn là công cụ chính sách vùng. Các nước nơi các chương trình phát triển vùng không có thì nhìn chung là những nước có dân số hoặc/và diện tích nhỏ nhất, hoặc mức độ phân cấp ở cấp độ vùng còn hạn chế, nó vẫn còn theo hình thức phát triển chuyên biệt của từng địa phương, có ranh giới riêng biệt. Các chương trình vùng tập trung vào một vùng, ngành và doanh nghiệp, khoa học và giáo dục. Chúng hướng tới các doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu và giáo dục và chính quyền. Các chương trình này đưa ra hoặc các hỗ trợ tài chính, hỗ trợ tri thức và mạng lưới liên kết hoặc tổng hợp cả hai.

Phạm Quang Huy (2011) chỉ ra rằng đặc điểm chung nhận thấy từ quá trình hoạch định cụm liên kết công nghiệp ở các nước Châu Âu bao gồm: hầu hết các chương trình phát triển cụm liên kết công nghiệp là mang tầm quốc gia và hiếm khi có các hoạt động xuyên biên giới, phần lớn các chương trình dựa trên quá trình chọn lựa mang tính cạnh tranh, sự hỗ trợ chủ yếu là tài chính, phần lớn các chương trình cụm liên kết công nghiệp được thiết kế để thúc đẩy đổi mới trong khu vực tư nhân và sự hợp tác giữa khu vực tư nhân và các tổ chức R&D. Mục tiêu của hầu hết các chương trình phát triển cụm liên kết công nghiệp là nhằm nâng cao năng suất ở cấp độ quốc gia (Petrin, 2011).

Các cụm liên kết công nghiệp là công cụ chính sách mới quan trọng để phục hồi các khu công nghiệp cũ và làm thay đổi cơ cấu ngành của các nước chuyển đổi hướng tới các dạng phát triển dựa trên tri thức. Quá trình này khởi phát thông qua hoặc những điều chỉnh dựa trên đổi mới của các cụm liên kết công nghiệp cũ, đa dạng hóa và do đó sự xuất hiện của các cụm liên kết công nghiệp tại các ngành

đã được thành lập, hoặc bằng sự xuất hiện và tăng trưởng của các ngành thâm dụng tri thức và công nghệ cao tại các khu công nghiệp cũ. Các chương trình phát triển các cụm liên kết có thể là công cụ giúp những thay đổi về cơ cấu này.

Các chương trình cụm liên kết công nghiệp, ít nhất ở châu Âu, được sử dụng như biện pháp chính sách thông qua đó, các chính phủ hoặc hỗ trợ phát triển các cụm liên kết công nghiệp hiện hữu để đạt trình độ cao hơn hoặc kích thích sự hình thành của các cụm liên kết công nghiệp mới. Sự hỗ trợ được thực hiện dưới các hình thức khác nhau, từ hỗ trợ tài chính đến tạo ra sự kết nối và đào tạo tay nghề.

Các chính phủ không thể thành lập các cụm liên kết công nghiệp song kiểm soát rất nhiều nhân tố ảnh hưởng đáng kể tới sự hình thành, phát triển hay sức mạnh kinh tế của chúng. Các điều kiện khung chung nhất do chính sách của chính phủ tạo nên có ảnh hưởng tới chất lượng và sự hiện hữu của các dịch vụ kinh doanh cũng như các hạ tầng về giáo dục và nghiên cứu. Chúng có thể thúc đẩy hay kìm hãm mức độ tác động tích cực của các cụm liên kết công nghiệp. Trên phương diện này, điều quan trọng là phải cân bằng vai trò, sự đóng góp của chính sách kinh tế có tác động đáng kể lên môi trường kinh doanh (ví dụ, giáo dục, R&D, công nghệ thông tin truyền thông (ICT), việc làm, môi trường, và chính sách tài khóa) theo sát với các mục tiêu đặt ra của các chương trình phát triển cụm liên kết công nghiệp. Các nước cụm liên kết công nghiệp đã có chính sách/công cụ hỗ trợ khác nhau qua quá trình hình thành và phát triển các cụm liên kết công nghiệp (Bảng 1).

### *3.2.2. Kinh nghiệm các nước đông Đông Á*

Thực tiễn phát triển kinh tế dựa trên các cụm liên kết công nghiệp ở nhiều quốc gia đã chứng tỏ cụm liên kết công nghiệp thành công thường là những cụm được xác định dựa trên các lực lượng thị trường chứ không theo tuyên bố chính sách hay những qui cách hoặc ràng buộc chính trị truyền thống nào. Nói cách khác, dù nhiều nước vẫn nỗ lực “tạo ra cụm liên kết công nghiệp” nhưng các cụm ngành không thể “xây” dựa hoàn toàn chính sách (“chỉ định đối tượng được chọn”), mà chính sách chỉ có thể tạo khả năng để cụm ngành hình thành và phát triển. Một ví dụ cho điều này chính là trường hợp thất bại của Nhật Bản vào những năm 1980. Khi đó, giới lãnh đạo chỉ đơn thuần tạo nên ngành công nghiệp siêu máy vi tính, trong khi nhu cầu thị trường đã chuyển sang máy vi tính để bàn và máy vi tính xách tay. Đây là một bài học đáng để những nước đi sau tham

khảo.

Thực tế cho thấy, chính quyền không nên áp đặt vị trí hình thành các cụm ngành. Bởi vì để các cụm hoạt động thành công thì nhất thiết sẽ cần các dịch vụ kinh doanh khác, một số không thể được cung cấp trong cụm, do đó điều quan trọng là nên xây dựng cụm liên kết công nghiệp tại những nơi thị trường tồn tại chứ không phải nơi Chính phủ muốn. Tuy nhiên, mặt khác do đặc trưng của hoạt động kinh doanh là tìm kiếm lợi nhuận và như vậy cạnh tranh là một trong những yếu tố quyết định trên thị trường. Nên để tránh và khắc phục những thất bại thị trường ảnh hưởng đến chất lượng phát triển kinh tế của những vùng có cụm liên kết công nghiệp nói riêng và của cả nền kinh tế quốc dân nói chung, vai trò quản lý nhà nước của các cấp chính quyền trung ương đến địa phương có tầm quan trọng nhất định.

### **4. Bài học kinh nghiệm phát triển cụm liên kết công nghiệp ở Việt Nam**

Từ kinh nghiệm thực tế thành công tại các nước trên thế giới, có thể thấy rằng cụm liên kết công nghiệp rất có tiềm năng phát triển tại Việt Nam nếu xây dựng các bước đi phù hợp với đặc điểm địa lý, kinh tế - xã hội và chính trị của từng địa phương với định hướng phát triển chung theo quy hoạch một vùng lãnh thổ. Các nước phát triển định hướng phát triển liên kết theo vùng và hiện nay Việt Nam đang định hình ngày càng rõ các Vùng kinh tế trọng điểm. Trong bối cảnh kinh tế Việt Nam hiện nay, mô hình cụm liên kết công nghiệp có thể được nghiên cứu áp dụng thí điểm dưới dạng các hình thức có sự can thiệp của Nhà nước. Trong thời gian đầu, mô hình cụm liên kết công nghiệp theo chiều ngang với các doanh nghiệp có cùng quy mô có thể áp dụng và can thiệp điều chỉnh dễ dàng hơn, cũng như khó tạo ra các hình thức độc quyền hoặc tập trung hóa đầu tư và rủi ro vào một số doanh nghiệp nhất định. Tuy nhiên các mô hình cụm liên kết công nghiệp theo chiều dọc cũng có thể chứng tỏ tính hiệu quả cao của mình.

Dự thảo Quy hoạch phát triển CNHT Việt Nam đến năm 2015, tầm nhìn 2020 (tr16, 2012) nêu rõ trong quá trình xây dựng này, vai trò của chính phủ và các tổ chức trung gian sẽ là điều kiện tiên quyết để phát triển cụm liên kết công nghiệp. Chính phủ phải có các chính sách miễn giảm thuế, các chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp, hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức thương mại và tổ chức tư nhân thực hiện phát triển cụm liên kết công nghiệp. Ngoài ra, chính phủ cần hỗ trợ xây dựng các mối liên kết các cụm với các tổ chức tư nhân và Nhà nước trong lĩnh vực

**Bảng 1: Các công cụ phổ biến sử dụng trong để phát triển cụm ngành ở các nước OECD**

Mục tiêu	Công cụ
<b><i>Cuốn hút các thành viên tham gia</i></b>	
Xác định các cụm ngành	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiến hành các nghiên cứu sơ thảo về các cụm ngành (định tính và định lượng)</li> <li>- Sử dụng các tổ chức hỗ trợ và các nhà môi giới trung gian để xác định các doanh nghiệp có thể làm việc với nhau</li> </ul>
Hỗ trợ mạng liên kết/cụm ngành	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức các sự kiện nâng cao nhận thức (hội thảo, giáo dục về cụm ngành)</li> <li>- Đề xuất khuyến khích về tài chính cho các tổ chức liên kết hợp tác doanh nghiệp</li> <li>- Tài trợ cho các hoạt động hình thành mạng lưới liên kết doanh nghiệp</li> <li>- Xây dựng các chuẩn mực về thực trạng hoạt động của các cụm.</li> <li>- Phác họa mối quan hệ cụm ngành</li> </ul>
<b><i>Dịch vụ chung và mối liên kết kinh doanh</i></b>	
Nâng cao năng lực, qui mô và kỹ năng cho các nhà cung cấp (chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ và vừa)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ phát triển kinh doanh cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa</li> <li>- Dịch vụ môi giới và diễn đàn giữa các nhà cung cấp và người mua</li> <li>- Thu thập thông tin chung về thị trường</li> <li>- Điều phối mua sắm</li> <li>- Thiết lập các tiêu chuẩn kỹ thuật</li> <li>- Mạng lưới xuất khẩu</li> </ul>
Tăng cường mối liên kết với bên ngoài (FDI và xuất khẩu)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng thương hiệu và tiếp thị về cụm ngành và các vùng</li> <li>- Hỗ trợ đối với các nhà đầu tư vào trong cụm ngành</li> <li>- Thông tin thị trường về mục đích hướng ra quốc tế</li> <li>- Tìm kiếm đối tác</li> <li>- Hỗ trợ chuỗi giá trị</li> <li>- Xây dựng mạng lưới xuất khẩu</li> </ul>
Tạo dựng nguồn nhân lực lành nghề ở các ngành chiến lược	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thu thập và phổ biến thông tin về thị trường lao động</li> <li>- Đào tạo đại học và đào tạo nghề theo chuyên ngành</li> <li>- Hỗ trợ liên kết hợp tác giữa các nhóm doanh nghiệp và tổ chức giáo dục</li> <li>- Tạo cơ hội giáo dục nhằm thu hút sinh viên có tiềm năng vào vùng</li> </ul>
<b><i>Phối kết hợp trong R&amp;D và thương mại hóa sản phẩm</i></b>	
Tăng liên kết giữa nghiên cứu và nhu cầu của doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ cho các dự án liên kết giữa doanh nghiệp, trường đại học và tổ chức nghiên cứu</li> <li>- Tập hợp các bên khác nhau tạo điều kiện hợp tác liên kết (như công viên khoa học, vườn ươm)</li> <li>- Các chương trình tầm xa của trường đại học</li> <li>- Xây dựng hệ thống thông tin kỹ thuật</li> </ul>
Thương mại hóa hoạt động nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo khung pháp lý phù hợp về tài sản trí tuệ</li> <li>- Vượt qua rào cản đối với những ưu đãi khu vực công về thương mại hóa</li> <li>- Dịch vụ hỗ trợ chuyển giao công nghệ</li> </ul>
Tiếp cận tài chính cho các tổ chức khoa học tách phân (spinoffs)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ lấy ý kiến tư vấn đối với việc tiếp cận nguồn tài chính đặc biệt</li> <li>- Các chương trình bảo đảm công và vốn mạo hiểm</li> <li>- Các điều kiện khung hỗ trợ vốn mạo hiểm tư nhân.</li> </ul>

Nguồn: OECD (2010)

tài chính, đầu tư, phát triển hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội và các tổ chức nghiên cứu. Đặc biệt quan trọng là việc lựa chọn cụm liên kết công nghiệp để xây dựng và hỗ trợ. Do đó, trước tiên cần có nghiên cứu đánh giá lại toàn bộ tích tụ công nghiệp và việc hình thành các cụm liên kết công nghiệp tự phát ở Việt Nam. Trên cơ sở này sẽ lựa chọn các ngành, các địa phương đầu tiên để xây dựng các cụm liên kết công nghiệp.

Tuy nhiên, vai trò quan trọng nhất thuộc về bản thân các doanh nghiệp. Vì vậy, ngoài quyết tâm của các cơ quan quản lý, cần phải đánh thức nhận thức của doanh nghiệp Việt Nam trong việc liên kết, tập hợp, phân công sản xuất và chuyên môn hóa. Yêu cầu này đòi hỏi sự quan tâm của Chính phủ, Cục phát triển doanh nghiệp, Bộ Công thương, các Sở

công thương địa phương trong việc xây dựng và ban hành những chính sách, chương trình hỗ trợ liên kết mang tính chỉ đạo và định hướng.

Trong tất cả các mô hình, điểm quan trọng nhất là tạo dựng và phát triển được các liên kết kinh doanh giữa các doanh nghiệp. Các liên kết này được xây dựng bởi các cơ chế hợp đồng chính thức và không chính thức. Như vậy, để tranh các rủi ro có thể xảy ra đối với doanh nghiệp tham gia liên kết, cần phải chuẩn bị trước các quy định, chế tài liên quan đến việc đảm bảo thực hiện các hợp đồng này, nhất là các hợp đồng không chính thức. Điều này rất cần vai trò trung gian khách quan và chủ động của Chính phủ và các địa phương cũng như sự hỗ trợ của các cơ quan khác. □

### Tài liệu tham khảo

- Lê Minh Ngọc và Lê Huyền Trang (2011), "Một số giải pháp thúc đẩy sự phát triển các cụm liên kết ngành tại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, số 396 – tháng 5/2011, tr.49
- Petrin, Tea (2011), "Liên kết ngành – một công cụ chính sách nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy kinh tế tri thức". Tạp chí Quản lý kinh tế, số chuyên đề 2011, tr.12
- Phạm Quang Huy (2011), "Kỳ yếu hội thảo phát triển cụm ngành công nghiệp, khu công nghiệp gắn với phát triển công nghiệp hỗ trợ, tạo mạng lưới liên kết sản xuất và hình thành chuỗi giá trị", Viện nghiên cứu Kinh tế Quản lý Trung ương, tr.118 - 124
- OECD (2010), SMEs Entrepreneurship and innovation. Truy cập lần cuối ngày 25 tháng 8 năm 2014, từ <http://www.oecd.org/cfe/smesentrepreneurshipandinnovation.htm>

### A study on support policies for the industrial cluster development: Practical lessons for Vietnam

#### Abstract:

*The establishment and development of effective industrial clusters is necessary and consistent with the development trend in the world. It is believed that the establishment of industrial clusters is important policy tool to increase enterprises' competitiveness, enhancing indigenous technology level, developing and restructuring the economy. This paper analyzes the application of support policy for industrial cluster development in some countries in European Union and East Asia and provides some implications for Vietnam.*

---

#### Thông tin tác giả:

**\*Nguyễn Kế Nghĩa**, thạc sĩ, nghiên cứu sinh

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Quản trị kinh doanh, Đại học Kinh tế quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Quản trị kinh doanh

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ email: [nguyenkenghiakt@yahoo.com](mailto:nguyenkenghiakt@yahoo.com)

**\*\*Phan Đăng Tuất**, Phó giáo sư, tiến sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Tổng công ty bia rượu và nước giải khát Sài Gòn

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ email: [tuatpd@moit.gov.vn](mailto:tuatpd@moit.gov.vn)



# TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

## KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH

### KHOA QTKD CÓ 03 BỘ MÔN:

- Quản trị doanh nghiệp
- QTKD tổng hợp
- Văn hoá kinh doanh

Ngoài ra, Khoa còn có **Trung tâm Tư vấn doanh nghiệp (ECC)** với nhiệm vụ tổ chức các khoá bồi dưỡng ngắn hạn nhằm cập nhật kiến thức quản trị kinh doanh cho các nhà doanh nghiệp; tổ chức các hoạt động tư vấn, NCKH và hợp tác quốc tế.

Lực lượng giáo viên cơ hữu hiện có 02 Giáo sư; 09 Phó giáo sư; 25 Tiến sĩ; 21 Thạc sĩ.

### CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:

#### - Đại học:

- Quản trị doanh nghiệp
- Quản trị chất lượng
- QTKD tổng hợp
- Quản trị doanh nghiệp chất lượng cao

#### - Cao học:

- Quản trị doanh nghiệp
- Quản trị chất lượng
- QTKD tổng hợp
- Quản lý công nghiệp

#### - Tiến sĩ

- Chuyên ngành Quản trị kinh doanh
- Chuyên ngành Quản lý công nghiệp.

#### - 16.500 sinh viên các chuyên ngành đã tốt nghiệp. Trong đó,

- Hệ chính quy có hơn 5000 sinh viên
- Hệ vừa làm, vừa học có hơn 8.000 sinh viên
- Hệ văn bằng hai có hơn 2.000 sinh viên
- Hệ liên thông từ cao đẳng lên đại học có hơn 1.000 sinh viên
- Bậc cao học hơn 400 học viên
- Bậc tiến sĩ hơn 140 học viên.

- Về nghiên cứu khoa học và tư vấn, tính đến nay giáo viên của Khoa đã thực hiện khoảng 175 đề tài, bao gồm các chương trình và đề tài cấp Nhà nước, đề tài cấp Bộ, hợp tác với nước ngoài, cấp Trường và đề tài phục vụ doanh nghiệp...



#### ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Phòng 311 - Nhà 7, 207 Đường Giải Phóng - Hà Nội

Điện thoại: 04.36284599 hoặc 04.36280280, xin máy lẻ 5786

Fax: 04 36284599

Email: [kqtkd@neu.edu.vn](mailto:kqtkd@neu.edu.vn) hoặc

[baneu@yahoo.com.vn](mailto:baneu@yahoo.com.vn)

Website: <http://www.khoaquantrikinhdoanh.neu.edu.vn>